TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/DS-PT
Ngày: 09/3/2021.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Giang - Thư ký Tòa án .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Mai Thị Đào Quyên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2021/TLPT-DS ngày 05/01/2021 về việc tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 226/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 637/2021/QĐ-PT ngày 27/01/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Võ Thị C, sinh năm 1956; (có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Trần Thanh H, sinh năm 1964; (có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Lê Văn H, sinh năm 1973; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Hồng P, sinh năm 1984; (có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Lê Quốc V, sinh năm 1975; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Trần Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị C trình bày: Vào ngày 17/8/2018, ông H có vay của ông Lê Văn U số tiền 30.000.000 đồng, ông Lê Văn U có giữ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở tên Trần Văn Đ, ông H có tự tay viết và ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 17/8/2018, trong biên nhận có nội dung là 15 ngày đóng lãi một lần nhưng không nói rõ lãi suất cụ thể là bao nhiêu, thực tế là cứ 1.000.000 đồng thì lãi một ngày là 10.000 đồng. Hai bên thỏa thuận miệng là vay trong vòng 15 ngày sẽ trả.

Số tiền mà ông H đã vay của ông Lê Văn U không phải tiền của ông Lê Văn U, mà ông Lê Văn U vay tiền từ bà L cho ông H vay lại để hưởng huê hồng nên khi ông H đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền nhà ở thì ông Lê Văn U cũng giao cho bà L giữ. Đến 15 ngày sau, ông H không trả được tiền nên bà L đòi ông Lê Văn U rất nhiều lần, ông Lê Văn U trong người có bệnh nặng, thấy vậy bà C sợ ông Lê Văn U buồn, chết sớm nên bà C đã chạy tiền và bà C cùng ông Lê Văn U đến nhà bà L trả nợ và lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H đưa cho ông Lê Văn U đem về.

Sau đó, ông Lê Văn U đòi tiền ông H nhiều lần nhưng ông H không trả. Ông H năn nỉ ông Lê Văn U đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để về chỉnh lại sổ, ông Lê Văn U bản tính hiền lành nên đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và ông Lê Văn U đã kêu ông H viết lại biên nhận ngày 15/3/2019, nội dung do ông H tự viết và ký tên, ông H có mượn của ông Lê Văn U số tiền 30.000.000 đồng, hẹn đến ngày 24/3/2019 trả lãi và gốc nhưng vẫn chưa trả.

Đến ngày 27/8/2019, ông Lê Văn U đã chết, sau khi ông Lê Văn U chết thì bà cùng các con bà đến nhà ông H đòi tiền nhiều lần nhưng ông Lê Văn U vẫn không trả, ông H trốn tránh nhiều lần.

Bà C xác định hàng thừa kế của ông Lê Văn U gồm có bà, các con bà là anh Lê Văn H, anh Lê Hồng P, anh Lê Quốc V. Ngoài ra, không còn ai khác.

Do ông Lê Văn U đã chết nên bà C yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 0.8%/tháng. Trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Thanh H trình bày: Ông H thừa nhận nội dung biên nhận vay tiền ngày 17/11/2018 và ngày 15/3/2019 đều do ông H tự tay viết và ký tên, ông H có thế chấp cho ông Lê Văn U một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Văn Đ. Tuy nhiên, ông H không thống nhất về lời trình bày và yêu cầu của bà C với lý do như sau:

Ông H nhờ ông Lê Văn U mượn tiền giùm ở một người khác, người này ông không biết là ai, số tiền là 30.000.000 đồng. Khi ông Lê Văn U giao tiền thì chỉ giao cho ông 24.000.000đồng, ông Lê Văn U lấy trước một tháng lãi là 3.000.000 đồng, chủ giao tiền cho ông Lê Văn U lấy trước một tháng lãi là 3.000.000 đồng, đến tháng thứ hai (tức là kể từ khi viết biên nhận ngày 17/11/2018 là hai tháng) thì ông Lê Văn U đòi nợ ông H vì ông Lê Văn U nói rằng chủ cho vay tiền không chịu để nợ lâu, nên

ông H có năn nỉ ông Lê Văn U chờ thêm thời gian nữa sẽ trả và viết biên nhận lần thứ hai vào ngày 15/3/2019 có nội dung là có mượn 30.000.000 đồng, đóng lãi được 15 ngày, còn lại thì chưa đóng lãi, hẹn 24/3/2019 sẽ trả gốc và lãi, nhưng khi viết biên nhận được một ngày thì ông H đã mượn được tiền nên ngay ngày hôm sau tức ngày 16/3/2019 ông H hẹn ông Lê Văn U lên quán cà phê và giao cho ông Lê Văn U tiền, ông Lê Văn U đã đem tiền giao cho chủ nợ rồi lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, trở ra quán cà phê mà ông H đang ngồi đợi để giao cho ông H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn Đ, ông H có hỏi ông Lê Văn U lấy lại các biên nhận nợ nhưng ông Lê Văn U không giao, nói là để quên ở nhà về để tự hủy giấy, do chỗ quen biết nên ông H rất tin tưởng, từ đó đến nay ông H không có yêu cầu ông Lê Văn U trả lại giấy vay tiền. Khi ông H giao tiền cho ông Lê Văn U thì ông Lê Văn U chỉ đi có một mình, ông Lê Văn U đi đến nhà chủ nợ và trở lại quán cà phê một mình, không có bà C đi cùng. Tại đơn trình bày phản tố và biên bản hòa giải ở Tòa án, ông H nhầm lẫn về thời gian nên trình bày vào ngày 06/3/2019, ông H đã đem tiền đến trả cho ông Lê Văn U, thật sự là ông H trả tiền cho ông Lê Văn U vào ngày 16/3/2019. Ông H còn trình bày, nhớ rất rõ vào ngày 25/12/2018 âm lịch, ông đi từ Cai Lậy (làm thuê) về nhà ông tại ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tiền Giang dự tảo mộ ông bà, ông nghe gia đình nói lại là bà C và ông Lê Văn U thuê xã hội đen đến nhà ông để đòi tiền, sau đó 15 ngày thì ông H chạy vô nhà ông Lê Văn U năn nỉ ông Lê Văn U viết biên nhận lần hai và hứa ngày 24/3/2020 trả đủ vốn và gốc nhưng sau đó một ngày thì ông đã trả đủ tiền và lấy sổ đỏ mang về, không lấy lại biên nhận. Về vấn đề lãi suất, ông H đã đóng đầy đủ cho phía ông Lê Văn U.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H, anh Lê Quốc V, anh Lê Hồng P có đơn xin vắng mặt mặt nhưng tại các biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2020, anh H, anh V, anh P thống nhất trình bày:

Thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà C, không nhận tiền, để lại cho bà C đứng ra nhận số tiền ông H còn nợ của ông Lê Văn U.

Bản án dân sự sơ thẩm số 226/2020/DSST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C.

Buộc ông Trần Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị C số tiền 34.256.000đồng (Trong đó: tiền vốn là 30.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 24/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.256.000 đồng).

Về án phí: Bà Võ Thị C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi nên không phải hoàn lại án phí.

Ông Trần Thanh H có nghĩa vụ nộp 1.713.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2020 bị đơn ông Trần Thanh H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Trần Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Nguyên đơn Võ Thị C đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thanh H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp; Thời hạn kháng cáo; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản*" được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 29/9/2020 và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm của bị đơn Trần Thanh H thì bị đơn Trần Thanh H kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn H, Lê Quốc V theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự nhưng Lê Văn H, Lê Quốc V vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng Dân Sự xét xử vắng mặt anh H, anh V.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thanh H về việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy*:*

Căn cứ biên nhận ngày 17/11/2018 và biên nhận ngày 15/3/2019 và lời thừa nhận của ông Trần Thanh H thì ông Trần Thanh H có vay của ông Lê Văn U số tiền 30.000.000 đồng;

Ông Trần Thanh H trình bày đã trả số tiền vay cho ông Lê Văn U nhưng bà Võ Thị C không thừa nhận;

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của Võ Thị C là có cơ sở, bởi vì: Căn cứ vào biên nhận ngày 17/11/2018 và biên nhận ngày 15/3/2019 và lời thừa nhận của ông Trần Thanh H thì ông Trần Thanh H có vay của ông Lê Văn U số tiền 30.000.000 đồng và chưa trả số tiền trên cho ông Lê Văn U;

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Thanh H không đưa ra được căn cứ chứng minh nào khác ngoài những chứng cứ đã thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm. Vì thế, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H cho nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thanh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 465, 466, 468, 650, 651 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 226/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị C.

Buộc ông Trần Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị C số tiền 34.256.000đồng (Trong đó: tiền vốn là 30.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 24/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.256.000 đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi nên không phải hoàn lại án phí.

Ông Trần Thanh H có nghĩa vụ nộp 1.713.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0016733 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
Lưu: VT, hồ sơ vụ án

Trương Vĩnh Hữu